

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày: 07/7/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trung và ông Võ Kỳ Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan -Thư ký toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Vào ngày 06, 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2020/KDTM-ST ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: 130 đường P, phường 3, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh

Do ông Nguyễn Trung C, Chức vụ: Nhân viên, đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2020 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Phú Yên.

Địa chỉ: 230 đường T, phường 4, thành phố TH, Phú Yên

Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện TA, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện TA, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2019 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng TMCP

Đ) do đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 12 tháng 9 năm 2016, chị Trần Thị Mỹ N có vay Ngân hàng TMCP Đ số tiền 15.000.000đ theo đợt vay số 0137175701T16006 ngày 12/9/2016 tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ lập ngày 21/8/2016, thời hạn cho vay 12 tháng; Lãi suất vay 9,6%/năm; Hình thức đảm bảo tiền vay không có đảm bảo bằng tài sản; Mục đích vay buôn bán.

Sau khi xét duyệt, Ngân hàng chuyển số tiền cho vay qua số tài khoản thẻ của chị Trần Thị Mỹ N mở tại Ngân hàng TMCP Đ. Người bảo lãnh trong trường hợp chị Trần Thị Mỹ N không thanh toán tiền vay cho Ngân hàng theo khế ước nhận nợ là anh Nguyễn Đức T.

Khi đến hạn thanh toán, bên vay không thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận, không trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ nhưng chị N, anh T vẫn không thanh toán. Từ ngày vay đến khi khởi kiện, chị N chỉ trả được số tiền vay gốc 10.515.124đ; Tiền lãi trong hạn 1.163.076đ.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đức T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 4.484.876đ, tiền lãi trong hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 276.924đ, tiền lãi quá hạn bằng 150% tiền lãi trong hạn là 14,4%/năm, phát sinh (từ ngày 03/02/2017) khi chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.581.113đ. Vợ chồng chị N, anh T còn phải trả lãi quá hạn bằng 150% tiền lãi trong hạn sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng.

- Bị đơn chị Trần Thị Mỹ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, đã tuân thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn chị Trần Thị Mỹ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện chị Trần Thị Mỹ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T, cùng trú tại Khu phố N, thị trấn C, huyện TA, tỉnh Phú Yên về việc tranh chấp hợp đồng vay giữa một bên là pháp nhân với cá nhân, nhưng đều có mục đích lợi nhuận. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ và niêm yết hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng chị Trần Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đức T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ, chị Trần Thị Mỹ N và anh Nguyễn Đức T, chị N vay Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh tỉnh Phú Yên số tiền 15.000.000đ, suất 9,6%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích là buôn bán.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/7/2020), chị Trần Thị Mỹ N còn nợ Ngân hàng số tiền là 7.342.913đ, gồm nợ gốc là 4.484.876đ, nợ lãi trong hạn là 276.924đ và lãi quá hạn (từ ngày 03/02/2017) khi chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là 2.581.113đ.

Do đó, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu chị N, anh T phải trả số tiền vay gốc, tiền lãi (trong hạn, quá hạn) và xuất trình các tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện được coi là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của kiểm sát viên, buộc chị Trần Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đức T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/7/2020) là 7.342.913đ, gồm nợ gốc là 4.484.876đ, nợ lãi trong hạn là 276.924đ và lãi quá hạn là 2.581.113đ.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều

147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc vợ chồng chị Trần Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đức T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay gốc là 4.484.876đ, nợ lãi trong hạn là 276.924đ và lãi quá hạn là 2.581.113đ; Tổng cộng là 7.342.913đ (*Bảy triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm mười ba đồng*).

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng chị Trần Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011822 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng chị Trần Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đức T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 21/8/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà vợ chồng chị Trần Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đức T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Tùng